TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 10/6/2020.
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Cảnh.
Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Nguyễn Văn Ba.
+ Ông Phạm Đức Nhân.
- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Diễm- Thư ký Tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 935/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Sa L, sinh năm 1988
Địa chỉ: 185, tổ 8, khu 14, xã Long Đ, huyện Long T, tỉnh Đồng N.
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hồng N, sinh năm 1986
Địa chỉ: 134, tổ 30, khu Phước H, thị trấn Long T, huyện Long T, tỉnh Đồng N.

(Chị L có đơn xin vắng mặt, anh N vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2019, bản tự khai ngày 07/01/2020 và các lời khai tiếp theo tại tòa, nguyên đơn chị Sa L trình bày: Chị và anh N xây dựng gia đình với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Đ, huyện Long T, tỉnh Đồng N. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến tháng 5 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do bất đồng quan điểm sống, anh N có quan hệ tình cảm với người đàn bà khác, không có trách

nhiệm gì với vợ con, chị có khuyên ngăn nhưng anh N không sữa chữa, thỉnh thoảng anh N có uống rượu về gây gỗ với chị, từ đó cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 7 năm 2019 cho đến nay. Thời gian ly thân chị đưa con chung về nhà cha mẹ ruột của chị sinh sống, anh N sinh sống tại nhà cha mẹ ruột anh N, vợ chồng không có bàn bạc đoàn tụ. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn anh N.

Về con chung: Có 01 cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 06/8/2011.

Hiện chị đang nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

+ Tại bản tự khai ngày 06/3/2020, bị đơn anh Nguyễn Hồng N trình bày: Anh và chị L xây dựng gia đình với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Đ, huyện Long T, tỉnh Đồng N. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường hay gây gỗ nhau, chị L đã dẫn con chung về nhà cha, mẹ ruột của chị sinh sống từ tháng 7 năm 2019 cho đến nay. Thời gian ly thân vợ, chồng không có bàn bạc đoàn tụ, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chi L yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Có 01 cháu, Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 06/8/2011.

Hiện chị L đang nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, anh đồng ý giao cháu Nguyễn Hoàng P cho chị Ly trực tiếp nuôi con, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định, bị đơn không tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị L, cho chị L được ly hôn anh N.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 06/8/2011 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Sa L có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Hồng N đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đến cho anh N nhưng anh N vắng mặt đến lần thứ hai nên xét xử vắng mặt chị L, anh N theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Sa L đang cư trú tại xã Long Đ, huyện Long T, tỉnh Đồng N. Chị có đơn tranh chấp ly hôn với anh Nguyễn Hồng N đang cư trú tại thị trấn Long T, huyện Long T, tỉnh Đồng N. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh N kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Long Đ, huyện Long T, tỉnh Đồng N cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 17/8/2011 nên áp dụng Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị L và anh N chung sống hạnh phúc. Đến tháng 5/2019, thì phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân với nhau. Nguyên nhân, do bất đồng quan điểm sống, anh N không có trách nhiệm gì với vợ con, thỉnh thoảng có uống rượu về gây gỗ với chị L, từ đó cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, chị L và anh N đã sống ly thân nhau từ tháng 7 năm 2019 cho đến nay, không có bàn bạc đoàn tụ, cũng không còn quan tâm gì đến nhau. Tại tòa, chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được tình cảm, không còn khả năng đoàn tụ chị yêu cầu ly hôn anh N là có căn cứ.

Xét, điều kiện để chị L và anh N đoàn tụ chung sống với nhau là không có, tình trạng của vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho chị L được ly hôn anh N.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 06/8/2011. Hiện chị L đang nuôi dưỡng, chị có yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 06/8/2011.

Cháu Nguyễn Hoàng P đã trên 07 tuổi, qua tham khảo ý kiến của cháu, cháu P có nguyện vọng được ở, chung sống với chị L.

Xét thấy, hiện tại chị L có nơi ở, nghề nghiệp, mức thu nhập ổn định, thời gian qua chị L đảm bảo việc nuôi con tốt. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị L, giao con chung Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 06/8/2011 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: Chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát phù hợp chứng cứ đã thu thập, quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Án phí: Chị Sa L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1- Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Sa L đối với anh Nguyễn Hồng N về việc "Tranh chấp ly hôn"

Cho chị Sa L được ly hôn anh Nguyễn Hồng N.

Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 06/8/2011 cho chị Sa L trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời anh N không phải cấp dưỡng nuôi con, anh N được quyền đến thăm nom, chăm sóc con không ai được cản trở. Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2- Về án phí: Chị Sa L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai số 0002861 ngày 17/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

3- Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND h. Long Thành (1);
- Chi cục THADS h. Long Thành (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu (4).

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Nguyễn Tấn Cảnh